

MỘT SỐ VẤN ĐỀ THỰC TIỄN VỀ ĐẠO TIN LÀNH Ở CÁC DÂN TỘC THIỂU SỐ VÙNG TÂY BẮC HIỆN NAY

NGUYỄN VĂN MINH, HỒ LY GIANG

Trong nhiều năm qua, nghiên cứu về đạo Tin Lành ở Việt Nam đã được một số học giả của nước ta quan tâm. Đạo Tin Lành ở các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc đã được một số công trình nghiên cứu đề cập, trong đó đáng chú ý là: Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ do TS. Nguyễn Văn Thắng làm chủ nhiệm (2008) đã trực tiếp bàn về quá trình, nguyên nhân và tác động của sự chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành của dân tộc Hmông ở vùng này. Tập hợp các báo cáo của Viện Nghiên cứu Tôn giáo do GS. Đặng Nghiêm Vạn chủ trì (1998) đã hướng đến mục tiêu làm rõ nguồn gốc, bản chất, quá trình phát triển, phương thức hoạt động và những tác động tiêu cực của “đạo Vàng Chữ” - một dạng của đạo Tin Lành - ở dân tộc Hmông vùng Tây Bắc. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ *Những vấn đề cấp bách về tôn giáo ở các vùng dân tộc thiểu số của nước ta hiện nay* do GS. TS. Đỗ Quang Hưng làm chủ nhiệm (2002) và Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ cấp Bộ *Những vấn đề bức xúc về dân tộc ở nước ta hiện nay* do PGS. TS. Khổng Diễn chủ trì (2005) đã tập trung làm rõ một số vấn đề mới nảy sinh của Tin Lành và những ảnh hưởng tiêu cực của chúng đến sự ổn định và phát triển đất nước trong thời kỳ Đổi mới. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ của Lê Văn Hào thực hiện (2007) đã trình bày một số đặc điểm tâm lý, xã hội

cơ bản như là những tác nhân chủ yếu khiến đạo Tin Lành phát triển ở các tỉnh Tây Bắc trong những năm qua. Cuốn sách về *Văn hóa tâm linh của người Hmông ở Việt Nam truyền thống và hiện đại* của tác giả Vương Duy Quang (2005) đã nhấn mạnh đến nguồn gốc lịch sử và yếu tố tâm linh truyền thống như là một nhân tố dẫn dắt người Hmông đến với đạo Tin Lành trong bối cảnh hiện nay... Có thể nói, cùng với những nghiên cứu khác về Tin Lành, đây là các tài liệu vô cùng quý giá để tác giả tham khảo hoàn thành bài viết này.

Trên thực tế, từ năm 1986 đến nay, cùng với sự thay đổi tích cực trên tất cả các lĩnh vực đời sống xã hội, tôn giáo tín ngưỡng cũng biến đổi nhanh chóng theo nhiều chiều hướng đan xen phức tạp, nhất là sự chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành của một bộ phận dân cư,¹ mà chủ yếu là các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc và Tây Nguyên. Sở dĩ tình hình tôn giáo, bao gồm cả Tin Lành có những diễn biến phức tạp là do sự phát triển của nó không phải xuất phát từ nhu cầu thực tế của xã hội và của tín đồ, mà còn bị một số thế

¹ Năm 1945, cả nước có khoảng 5.000 tín đồ Tin Lành; năm 1954 là 50.000, năm 1975 là 200.000 thuộc 10 hệ phái khác nhau. Hiện nay đã tăng lên 734.168 tín đồ, có trên 40 hệ phái và tổ chức cùng hoạt động, trong đó có 7 hệ phái đã được Nhà nước ta công nhận.

lực thù địch ở trong và ngoài nước lợi dụng, nhằm gây mất ổn định chính trị xã hội và an ninh quốc phòng của nước ta, nhất là ở những vùng biên giới, vùng đa dân tộc, vùng đa tôn giáo; phá vỡ khối đại đoàn kết dân tộc; xuyên tạc, lôi kéo, lợi dụng và kích động một bộ phận tín đồ chống phá chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ta. Chính vì vậy, bài viết này một mặt tổng hợp những kết quả nghiên cứu đã công bố, mặt khác kế thừa những tài liệu khác và kết quả nghiên cứu riêng của tác giả, nhằm tìm hiểu sự thực trạng của Tin Lành trong một số dân tộc thiểu số ở vùng Tây Bắc² nước ta trong thời kỳ Đổi mới; lý giải một số nguyên nhân chủ yếu và đánh giá những tác động cơ bản của nó đến đời sống xã hội hiện nay; trên cơ sở đó, góp phần tăng cường sự hiểu biết chân thực về chuyển đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành ở các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc trong những năm qua.

1. Thực trạng đạo Tin Lành ở Tây Bắc

Đầu những năm 30 của thế kỷ XX, sau khi xây dựng được một số cơ sở ở Hà Nội, Hải Phòng, Nam Định, Hải Dương và Hà Tây (cũ), Hiệp Hội phúc âm truyền giáo (CMA) của Mỹ và Hội thánh Tin Lành Việt Nam bắt đầu tổ chức truyền giáo lên vùng dân tộc thiểu số các tỉnh Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng, Hòa Bình, Sơn La, Lai Châu. Tuy nhiên, đến năm 1954 mới chỉ có một lượng tín đồ nhỏ, rải rác ở một số địa phương, đông nhất là nhóm tín đồ người Thái ở Sơn La, người Hmông ở Lào Cai, người Mường

ở Hòa Bình và người Dao ở huyện Bắc Sơn (tỉnh Lạng Sơn). Giai đoạn 1954 – 1975, hầu hết các nhóm Tin Lành nói trên đều hoạt động yếu ớt và tự tan rã, trừ bộ phận người Dao ở tỉnh Lạng Sơn chính thức trở thành một chi hội của Tổng Hội thánh Tin Lành Việt Nam (Miền Bắc) (THTTLVNMB).

Từ giữa những năm 80 của thế kỷ XX, Tin Lành tiếp tục được truyền vào các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc và phát triển mạnh mẽ cho đến nay, nhất là ở người Hmông. Đến tháng 6 năm 2004, tại Tây Bắc có khoảng 103.141 người tin theo, đại đa số là người Hmông (chỉ có khoảng 1.920 người Dao và 250 người thuộc các dân tộc khác như: Cao Lan - Sán Chỉ, Cơ Lao, Pà Thèn, Hà Nhì, La Ha, Mảng, Thái...). Các tỉnh có nhiều người theo Tin Lành nhất là Lai Châu (14.294 người), Điện Biên (20.257 người), Lào Cai (7.193 người), Sơn La (4.113 người)... Đến giữa năm 2009, số tín đồ Tin Lành ở Tây Bắc đã tăng lên khoảng 22.132 hộ và 116.674 người (chưa kể số theo Tin Lành di cư tự do đi các nơi khác, đông nhất vẫn là người Hmông với khoảng 38.000 tín đồ trên tổng số 40.000 người Hmông di cư vào Tây Nguyên). Tại Tây Bắc, số tín đồ trên có mặt ở 1.090 thôn bản, sinh hoạt tại 919 điểm nhóm, thuộc 313 xã của 49 huyện. Trong 9 tổ chức Tin Lành hoạt động ở Tây Bắc, hệ phái nhiều tín đồ nhất là THTTLVNMB với khoảng 83.400 người (chiếm 78% số tín đồ trong vùng); tiếp đến là Hội thánh Liên hữu Cơ đốc Việt Nam (HTLHCĐVN) khoảng 14.900 người; Hội thánh Phúc âm Ngũ tuần Việt Nam (HTPANTVN) khoảng 1.250 người; Hội thánh Phúc âm Toàn vẹn - khoảng 810 người; Hội thánh Tin Lành Trưởng lão Việt Nam (HTTLTLVN) - khoảng 280 người...

² Vùng Tây Bắc được đề cập trong bài viết này được hiểu theo phạm vi công tác của Ban Chỉ đạo Tây Bắc gồm 11 tỉnh là: Hà Giang, Lào Cai, Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn, Phú Thọ và các huyện phía Tây của hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An.

Như vậy, số người theo Tin Lành mỗi năm một tăng (như tỉnh Điện Biên từ 20.257 người năm 2004 lên 32.503 người vào giữa năm 2009) và địa bàn ngày càng mở rộng. Thành phần theo Tin Lành cũng mở rộng sang một số ít cán bộ, đảng viên ở cơ sở và thôn bản, cựu chiến binh, những người có uy tín trong cộng đồng như trường họ, trường bản, thầy cúng... Cá biệt, một số nơi như xã Pu San Cáo, huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu (cũ), khi đạo Vàng Chử mới xuất hiện, cán bộ thôn bản, thậm chí cán bộ xã là những người trực tiếp tổ chức truyền đạo và kích động quần chúng theo đạo trái pháp luật.

Quá trình truyền đạo và phát triển của bộ phận tín đồ Tin Lành vùng Tây Bắc cũng khá phức tạp, chủ yếu theo 3 giai đoạn: 1) Bỏ tín ngưỡng truyền thống để theo “đạo Vàng Chử” theo nhiều con đường (1987 – 1990); 2) Chuyển từ “đạo Vàng Chử” sang Công giáo (1990 – 1992); và 3) Từ 1993 đến nay lại quay trở về “đạo Vàng Chử” và chính thức theo Tin Lành sau khi được các tổ chức Tin Lành, đài phát thanh nước ngoài tuyên truyền, hướng dẫn cụ thể, chặt chẽ. Do đó, nhiều người vẫn gọi đây là “Tin Lành Vàng Chử”.

Cùng với sự gia tăng về số lượng và mở rộng phạm vi ảnh hưởng, các hệ phái Tin Lành ở Tây Bắc đã tự hình thành tổ chức khá chặt chẽ ở cấp cơ sở, hoạt động ngày càng công khai dựa vào sự chỉ đạo, hỗ trợ nhiều mặt của các tổ chức Tin Lành trong và ngoài nước, nhất là THPTLVNMB. Riêng năm 2002, tổ chức này đã đơn phương công nhận hơn 500 hội nhánh ở các tỉnh miền núi phía Bắc không thông qua chính quyền. Đến tháng 10 năm 2004, THPTLVNMB đã tự ý

ký quyết định công nhận 935 hội nhánh với 112.692 tín đồ là người dân tộc thiểu số ở 13 tỉnh phía Bắc, trong đó Tây Bắc có 677 hội nhánh. Sau khi nhận quyết định, một số nơi các đối tượng cầm đầu đã tự làm lễ ra mắt trước tín đồ, hình thành tổ chức và ra hoạt động công khai. Những điểm có số lượng tín đồ đông được tổ chức thành các Chi hội và hình thành Ban Chấp sự, Ban Hiệp nguyện, phân công trưởng nhóm đứng đầu. Thành viên Ban chấp sự, Ban Hiệp nguyện và trưởng nhóm đều là người dân tộc thiểu số ở các địa phương; được THPTLVNMB quan tâm, đào tạo trở thành những người cầm đầu, cốt cán. Các nhóm Tin Lành ở cơ sở dưới dạng Ban Chấp sự, Chi hội, Hội nhánh ngày càng có sự liên hệ chặt chẽ và thống nhất hoạt động giữa các địa phương trong cùng hệ phái.

Từ cuối năm 2004 trở lại đây, ở Tây Bắc xuất hiện một số hệ phái Tin Lành khác không phải THPTLVNMB, nhất là từ miền Nam ra tích cực hoạt động nhằm tăng cường ảnh hưởng và lôi kéo người dân đi theo, kể cả số tín đồ đã theo các hệ phái Tin Lành khác. Những hoạt động này thể hiện mâu thuẫn nảy sinh giữa các hệ phái Tin Lành trong sự tranh giành phạm vi ảnh hưởng và tăng cường số lượng tín đồ, quyết liệt nhất là giữa THPTLVNMB và THTLHCĐVN. Những năm gần đây, hệ phái THTLHCĐVN đã cử nhiều mục sư và tín đồ cốt cán đến các vùng dân tộc thiểu số, nhất là những nơi xa xôi hẻo lánh để tuyên truyền người dân đi theo; đưa những tín đồ trung thành và cầm đầu ở các điểm nhóm vào thành phố Hồ Chí Minh – trung tâm của hệ phái này ở nước ta để học đạo; cấp 500 thẻ chứng nhận là

“người hầu việc Chúa” do Hội trưởng hoặc các mục sư khác trong Giáo hội ký để những người này có thể hành đạo một cách “hợp pháp”. Kết quả điều tra tại tỉnh Lai Châu tháng 7 năm 2005 cho thấy, chỉ từ cuối năm 2004 đến đầu 2005, đã có 283 hộ và 897 người tin theo; ở Hà Giang đến ngày 20 tháng 10 năm 2005 đã có 320 hộ và 851 người; tỉnh Sơn La đã phát triển được trên 1.000 người và tại Thanh Hóa là 2.332 người. Hiện tại, hệ phái này đã xây dựng được nhiều giáo hạt ở các tỉnh có người Hmông sinh sống, như: Tuyên Quang có 2 giáo hạt, Thái Nguyên - 3, Lào Cai - 5, Lai Châu - 6, Sơn La - 7 và Thanh Hoá - 8...

Một số đối tượng cốt cán của Tin Lành ở cơ sở có những hoạt động tôn giáo vi phạm pháp luật, như: Lợi dụng các văn bản của Đảng và Nhà nước về tự do tín ngưỡng tôn giáo để xây dựng, củng cố lực lượng chính trị; công khai, hợp pháp hóa tổ chức và hoạt động tôn giáo trái phép; lôi kéo người dân tộc thiểu số theo đạo, tự lập danh sách và đứng tên viết đơn yêu cầu chính quyền công nhận các điểm nhóm Tin Lành chưa đủ điều kiện thành lập tổ chức; xây dựng nhà nguyện trái pháp luật, sử dụng nhà ở của dân làm nơi sinh hoạt tôn giáo bất hợp pháp; chủ động liên hệ với các tổ chức Tin Lành ở trong và ngoài nước để nhận tài liệu, đường lối hoạt động và tìm chỗ dựa về tài chính... Tại tỉnh Hà Giang, đến năm 2005, trên địa bàn đã có 56 chi hội, hội nhánh của nhiều hệ phái Tin Lành tự lập; tính riêng từ tháng 5 năm 2005 đến tháng 10 năm 2005 đã có 24 đối tượng tự xưng là trưởng các hội nhánh cơ sở nộp cho UBND xã nơi cư trú 24 bộ hồ sơ xin được công nhận và hoạt động tôn giáo.

2. Nguyên nhân đạo Tin Lành phát triển ở vùng Tây Bắc

2.1. Đường lối Đổi mới và thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng tôn giáo của Đảng, Nhà nước ta

Kể từ khi thành lập đến nay, nhất là trong thời kỳ Đổi mới, Đảng và Nhà nước ta luôn có những đánh giá sâu sắc, chính xác về tôn giáo; xác định phải có những ứng xử công bằng, uyển chuyển và sáng tạo với tôn giáo tín ngưỡng; đồng thời yêu cầu phải thay thế kiểu tư duy chủ quan duy ý chí, giáo điều, áp đặt, nóng vội, vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh về tôn giáo phù hợp với thực tiễn từng vùng, từng dân tộc, từng tôn giáo. Đặc biệt, Đảng và Nhà nước ta quyết tâm thực hiện chính sách tự do tín ngưỡng, tôn trọng sự lựa chọn và bảo đảm nhu cầu sinh hoạt tôn giáo chính đáng của nhân dân. Có thể khẳng định, đây là một trong những điều kiện tiên quyết để các tôn giáo, trong đó có Tin Lành ở Tây Bắc phát triển mạnh mẽ trong thời gian qua.

2.2. Nhận thức của một số địa phương và một bộ phận cán bộ, đảng viên còn chủ quan, thiếu sót, chưa nhất quán

Trong một bộ phận cán bộ, đảng viên còn có tư tưởng chủ quan, giáo điều, coi tôn giáo tín ngưỡng cổ truyền của các dân tộc đã tồn tại lâu đời rất khó thay đổi. Khi Tin Lành phát triển trên diện rộng, một số nơi gặp lúng túng trong công tác quản lý. Sự chủ quan này còn tiếp tục sau khi Tin Lành đã phát triển, thể hiện trong suy nghĩ giản đơn của một số người cho rằng, người dân theo Tin Lành là do bị lôi kéo, lợi dụng, chỉ cần tổ chức cho số người này không sinh hoạt tôn giáo trái phép thì Tin Lành sẽ tự tan rã.

Một số nơi coi đây là “già Tin Lành” nên báo cáo chưa sát với thực tế. Bởi vậy, trong thời gian đầu một số nơi coi đây là “tà đạo”, “đạo lạ” và áp dụng biện pháp giải quyết chưa phù hợp, nặng về sử dụng các biện pháp hành chính, sự vụ.

Sau khi có Chi thị số 01 của Thủ tướng Chính phủ năm 2005, các địa phương đã tổ chức hướng dẫn đăng ký và xem xét cho phép sinh hoạt tại các điểm nhóm, thành lập một số Chi hội và tiến hành Hội đồng ở những nơi sinh hoạt tôn giáo thuần túy. Tuy vậy, thực tiễn công tác này ở một số nơi diễn ra vẫn còn có sự khác nhau.

2.3. Tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị (HTCT) và đội ngũ cán bộ cơ sở trong lĩnh vực tôn giáo còn thiếu và hạn chế

Hiện nay chúng ta chưa hình thành đội ngũ cán bộ ở cơ sở phụ trách về công tác tôn giáo và dân tộc. Ngay cả đội ngũ cán bộ công tác tại Ban Tôn giáo tỉnh, cán bộ chuyên trách về tôn giáo ở các Phòng Nội vụ huyện phần lớn đều chưa được đào tạo chuyên môn chính qui về tôn giáo; tại nhiều huyện thị, người đảm đương nhiệm vụ này theo hình thức kiêm nhiệm. Do đó, hiệu quả công tác, phương pháp tuyên truyền, vận động, thuyết phục quần chúng và đấu tranh với các hoạt động tôn giáo trái pháp luật còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu nhiệm vụ đặt ra hiện nay. Sự phối hợp giữa các tổ chức trong HTCT để giải quyết các vấn đề về tôn giáo còn lỏng lẻo; phương thức hoạt động của một số tổ chức, nhất là ở cấp cơ sở và thôn bản chậm được đổi mới, còn ít lợi ích thiết thực với người dân, do đó mức độ tập hợp được quần chúng, đoàn viên, hội viên còn thấp.

2.4. Điều kiện kinh tế - xã hội và mức độ hưởng thụ văn hoá của người dân còn thấp

Kể từ khi thực hiện công cuộc Đổi mới, đất nước ta đã đạt được nhiều thành tựu to lớn, tuy nhiên, vẫn còn nhiều bất cập cần tiếp tục giải quyết. Trước hết, là sự gia tăng khoảng cách giàu nghèo giữa các vùng miền, giữa các dân tộc, đặc biệt là các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa còn gặp rất nhiều khó khăn. Theo kết quả điều tra của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2002) tại 17 tỉnh khó khăn ở Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ, mức độ chênh lệch giữa các nhóm thu nhập thấp nhất và cao nhất năm 1994 là 6,5 lần, đến năm 1999 tỷ lệ này đã tăng lên 8,9 lần, riêng khu vực nông thôn là 6,3 lần. Bên cạnh đó, tình trạng thấp kém về trình độ giáo dục và dân trí của người dân, nhất là vùng người Hmông cũng là một trong những nguyên nhân khiến đồng bào dễ bị lôi kéo theo Tin Lành. Điều này lý giải một phần tại sao đa số tín đồ Tin Lành đầu tiên lại là người Hmông và những tín đồ trung thành nhất là phụ nữ.

2.5. Đạo Tin Lành phát triển ở Tây Bắc là hệ quả của những hoạt động truyền giáo đa dạng, hiệu quả do các tổ chức Tin Lành ở trong và ngoài nước thực hiện bằng những cách thức sau:

Tích cực thực hiện “dân tộc hóa tôn giáo”, từ cải biên nội dung truyền giảng giáo lý, giáo luật, đến sử dụng ngôn ngữ và chữ viết của dân tộc, gắn học chữ với học đạo, như: Tuyên truyền “chữ Hmông mới là chữ của vua, học chữ để theo đạo tốt hơn”; các môn đồ của Chúa Giê-su trong Kinh thánh được cải biên thành những tên rất Hmông. Từ kinh nghiệm truyền Công giáo và Tin Lành vào các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc trước đây,

những tổ chức Tin Lành đã vạch kế hoạch rõ ràng, cụ thể để “dẫn dắt” người Hmông và người Dao từng bước đến với Chúa.

Sử dụng những phương thức truyền đạo linh hoạt và hiệu quả, đặc biệt là các đài phát thanh nước ngoài như: FEBC, Vatican, Veritas, VOA, BBC... Các đài phát thanh này đã xây dựng những chương trình bằng tiếng dân tộc rất phù hợp với tâm lý dân tộc, đặc điểm cư trú phân tán, địa hình hiểm trở ở miền núi và vùng đồng bào các dân tộc thiểu số, mà theo cách truyền đạo truyền thống phải đi đến tận nơi sẽ rất khó thực hiện. Trong các đài này, điển hình là đài FEBC đặt tại Manila, Philippines, bắt đầu phát sóng vào nước ta từ những năm 60 và đến giữa những năm 80 của thế kỷ XX, với kỹ thuật tiên tiến và công suất lớn đã phủ sóng khắp các vùng dân tộc thiểu số nước ta. Hiện nay, đài FEBC đã phát bằng 22 tiếng dân tộc thiểu số và tiếng Việt, dự kiến tới năm 2015 sẽ tăng lên 25 và đến năm 2020 sẽ đủ tiếng của 54 dân tộc nước ta. Không những thế, đài này còn rất chú trọng tăng thêm thời lượng và chất lượng phát sóng, nhất là cải tiến, cập nhật nội dung vừa phong phú và phù hợp với từng tộc người, vừa thông qua nghệ thuật diễn đạt tốt bằng sự phát âm chuẩn của phát thanh viên, sử dụng từ ngữ ngắn gọn, đơn giản, dễ hiểu, dễ nhớ... để cuốn hút người nghe.

Các tổ chức và cá nhân Tin Lành đã sử dụng nhiều hình thức để truyền đạo và tán phát tài liệu. Đặc biệt là sử dụng phương thức truyền đạo “thế tục”, tức sử dụng chính tín đồ theo hình thức “vết dầu loang” hay “ri tai nhau” trong từng gia đình, từng dòng họ, từng cộng đồng, trong đồng tộc hay liên tộc người và xuyên quốc gia. Bên cạnh đó, việc tán phát tài liệu bằng tiếng dân tộc cũng rất

được chú ý và tiến hành thường xuyên dưới nhiều hình thức như: Tặng quà, thư tín, internet, du lịch, thăm thân... Nội dung chủ yếu của các tài liệu không chỉ tuyên truyền đạo Tin Lành, kích lệ số đối tượng truyền đạo trái pháp luật, mà còn xuyên tạc bôi nhọ chế độ và cán bộ địa phương, nhằm kích động tâm lý bất mãn, tư tưởng ly khai tự trị của một bộ phận nhân dân.

Các hệ phái Tin Lành, đặc biệt là THTTLVNMB, HTPANTVN và HTLHCĐVN đã cử nhiều mục sư trực tiếp đi truyền đạo ở Tây Bắc, đồng thời đẩy mạnh việc lựa chọn những tín đồ trung thành đào tạo làm lực lượng nòng cốt để duy trì và phát triển đạo ở cơ sở. Số người được tuyển chọn phần lớn là thanh niên và trung niên có trình độ văn hóa tương đối cao trong cộng đồng, có sự hiểu biết nhất định về xã hội và đặc biệt là thông thạo tiếng Việt để huấn luyện, đào tạo trở thành các trưởng đạo; tập trung xây dựng họ thành các nhân vật “điển hình” trong cộng đồng, kể cả cung cấp tiền của và phương tiện để thể hiện sự giàu có, từ đó thực hiện phương sách dùng người cùng dân tộc có uy tín để tuyên truyền, tập hợp những người trong dòng họ, trong cộng đồng và đồng tộc theo đạo.

Không chỉ các tổ chức Tin Lành ở phương Tây mà ngay tại châu Á như Hàn Quốc, Đài Loan, Trung Quốc cũng đẩy mạnh sự xâm nhập, phát triển vào vùng Tây Bắc. Các tổ chức Tin Lành ở Lào cũng tăng cường thiết lập các đường dây truyền đạo từ Viên Chăn đến vùng dân tộc Hmông ở vùng biên giới để hình thành mạng lưới cơ sở tổ chức đạo và nhà thờ ở Bắc Lào, từ đó cử một số đối tượng xâm nhập vào Sơn La, Lai Châu, Thanh Hoá và Nghệ An nước ta.

2.6. Đạo Tin Lành phát triển ở Tây Bắc là do có sự hỗ trợ, can thiệp, kích động của một số tổ chức Tin Lành và thế lực thù địch bên ngoài nhằm thực hiện “âm mưu diễn biến hòa bình” ở nước ta

Trước hết họ chỉ đạo, tài trợ, ủng hộ một bộ phận người dân các dân tộc thiểu số nước ta hiện đang sinh sống ở nước ngoài thành lập các tổ chức Tin Lành để làm công cụ, bàn đạp cho những hoạt động truyền giáo ở trong nước.

Một số tổ chức, cá nhân có tư tưởng đối lập tìm cách xuyên tạc tình hình tôn giáo ở nước ta trên các diễn đàn quốc tế và thông tin đại chúng để đẩy mạnh âm mưu “chính trị hoá tôn giáo”, “quốc tế hoá vấn đề tôn giáo”, “tôn giáo hoá vấn đề dân tộc” và “dân tộc hoá vấn đề tôn giáo” để gây mâu thuẫn xã hội, làm mất ổn định chính trị, tạo cơ hội gây sức ép và can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta.

Thông qua những chương trình, dự án phát triển của các thể chế tài chính quốc tế, tổ chức phi chính phủ, tổ chức tôn giáo, tổ chức khoa học và tổ chức văn hóa của nước ngoài thực hiện ở vùng dân tộc thiểu số, để tăng cường hoạt động và sự hiện diện của những tổ chức Tin Lành.

Thông qua các diễn đàn khoa học để thu thập và truyền bá thông tin một cách chính thống, nhất là tìm kiếm chứng cứ lịch sử, lợi dụng tâm lý dân tộc để khơi gợi, kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, tư tưởng “ly khai, tự trị” ở một bộ phận người dân một số dân tộc thiểu số. Ngoài ra, còn hỗ trợ một số tổ chức, cá nhân ở trong và ngoài nước xuất bản các ấn phẩm khoa học công bố những thông tin theo định hướng có lợi cho Tin Lành.

Nhiều tổ chức Tin Lành và không phải Tin Lành ở nước ngoài đã cung cấp tiền, phương tiện, tài liệu cho các tổ chức Tin Lành trong nước để chỉ đạo và hỗ trợ các hoạt động truyền đạo; sửa chữa, xây dựng nhà thờ; xuất bản kinh sách và tài liệu; trả lương cho các chức sắc và đào tạo đội ngũ cốt cán...

3. Một số ảnh hưởng của sự phát triển đạo Tin Lành ở vùng Tây Bắc

3.1. Ảnh hưởng đến phát triển kinh tế

Chuyển sang theo Tin Lành, tín đồ đã bỏ nhiều tập quán truyền thống mà theo họ là rườm rà và tốn kém (giết nhiều gia súc, gia cầm để làm lễ cúng trong tang ma; thói quen uống rượu, hút thuốc phiện, cờ bạc...). Tuy nhiên, việc truyền đạo Tin Lành trong những năm qua cũng thường gắn với một số hoạt động lừa dối người dân, tung tin đồn thất thiệt và hoang đường, dẫn đến hậu quả tiêu cực về kinh tế.

3.2. Ảnh hưởng đến quan hệ cộng đồng, dòng họ và gia đình

Nhiều nơi tín đồ đã sử dụng đức tin như một phương thức để gắn kết và trợ giúp nhau trong cuộc sống. Vì vậy, một số tín đồ Hmông bắt đầu nghĩ rằng “đạo” quan trọng hơn “dòng họ”. Như vậy, những người theo Tin Lành đã hình thành một cộng đồng liên kết theo tôn giáo, vượt ra ngoài khuôn khổ dòng họ, địa bàn cư trú và dân tộc truyền thống.

Tuy nhiên, do sự khác biệt về tín ngưỡng đã góp phần gây ra mâu thuẫn và xung đột cục bộ trong một số gia đình, dòng họ và thôn bản. Điều đó góp phần phá vỡ thiết chế xã hội, đạo đức và luân lý truyền thống, làm nảy sinh những mâu thuẫn, xích

mích giữa người theo và không theo Tin Lành; tạo ra sự ngăn cách, bài xích và hạn chế quan hệ với nhau giữa các bộ phận dân cư trong cộng đồng, giữa các thành viên trong dòng họ và gia đình.

3.3. Ảnh hưởng đến hôn nhân và gia đình

Giáo lý và giáo luật của Tin Lành góp phần thực hiện chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta vì ngăn cản tình trạng loạn luân, đả phá tệ bạo hành trong gia đình, không chấp nhận các hình thức phá thai, ngăn cấm sự ép gả của cha mẹ hay ngăn trở của họ hàng và cộng đồng, không chấp nhận nạn tảo hôn và gả bán trong hôn nhân; đồng thời khuyến khích hôn nhân phải đăng ký với chính quyền, thông báo chính thức với cộng đồng và xóm đạo; hôn nhân phải dựa trên tình yêu, khuyên răn nhà chồng nên đối xử bình đẳng và khoan dung với con dâu để tránh gây mâu thuẫn trong gia đình... Bên cạnh đó, các tập tục hôn nhân truyền thống cũng đơn giản hơn. Ngoài ra, một bộ phận tín đồ đã thực hiện được phần nào nếp sống lành mạnh.

Giáo lý và giáo luật của Tin Lành còn góp phần tạo ra sự bình đẳng hơn trong quan hệ giới và giữa các thành viên trong gia đình, dòng họ và cộng đồng. Con cái trong những gia đình theo Tin Lành được đi học nhiều hơn, đều hơn, ở các trình độ cao hơn và công tác vận động cho con em họ đến trường cũng dễ dàng hơn các hộ vẫn giữ tín ngưỡng truyền thống (Lê Văn Hào, 2007). Khi ốm đau, những người truyền đạo khuyên tín đồ cầu nguyện Chúa phù hộ và nên đi đến các cơ sở y tế để khám chữa bệnh, không được mời thầy cúng đến nhà làm lễ cúng ma; hướng dẫn tín đồ ăn ở vệ sinh để phòng ngừa bệnh tật...

Tuy vậy, những người truyền đạo cũng thường xuyên tuyên truyền rằng, máu của những người theo Tin Lành là trong sạch vì khi trải qua lễ Baptêm đã được máu của Chúa Giê-su chuộc tội cho. Ngược lại, máu của những người không theo đạo là “bẩn thỉu”, thường “bị nhiễm bệnh”. Do vậy, đã xảy ra nhiều trường hợp gia đình theo Tin Lành ngăn cản con cháu kết hôn với những người không cùng tôn giáo và chỉ khuyến khích kết hôn trong nội bộ những người cùng đức tin; không ăn thức ăn có máu động vật dù đã nấu chín vì sợ “nhiễm bẩn máu của Chúa”...

3.4. Ảnh hưởng đến ngôn ngữ và chữ viết

Các tổ chức Tin Lành luôn khuyến khích và thường xuyên tổ chức các lớp học chữ Hmông mới, đề tín đồ và người dân có thể nghe giảng đạo trên các đài phát thanh, đọc các tài liệu bằng tiếng Hmông mới được đưa từ nước ngoài vào. Do đó, ở Tây Bắc đã xuất hiện các nhóm tụ tập học chữ Hmông mới. Tuy nhiên, cũng xuất hiện nhiều sách, tài liệu được đưa vào vùng Tây Bắc bằng những con đường bất hợp pháp mà nhiều nội dung đã bị xuyên tạc với dụng ý chống phá đất nước; một số người Hmông vượt biên trái phép sang Trung Quốc để học chữ Hmông mới và nhận tài liệu... đã gây ra những trở ngại trong công tác quản lý dân cư và ổn định chính trị xã hội trên địa bàn.

3.5. Ảnh hưởng đến giá trị và bản sắc văn hóa

Quá trình chuyển đổi sang Tin Lành đã và đang làm mai một nhiều thành tố văn hóa truyền thống còn hữu ích trong đời sống cá nhân, gia đình và cộng đồng, nhất là các sinh hoạt văn hóa nhằm duy trì bản sắc tộc người; góp phần làm thay đổi lối sống, các mối

quan hệ và tính cố kết trong gia đình, dòng họ và cộng đồng; khiến nền văn hoá và các giá trị xã hội truyền thống bị phá vỡ hay mất dần.

Đặc biệt, những người truyền đạo luôn tuyên bố rằng, theo Tin Lành phải cắt đứt hẳn với các vị thần và ma truyền thống. Do đó, họ thúc ép những người theo đạo, trước hết phải thực hiện nghi lễ đuổi tổ tiên, đuổi các thần và ma ra khỏi nhà. Khi có người chết, không được làm lễ tang theo nghi thức truyền thống. Các tập tục thờ cúng truyền thống không liên quan đến Giê-su cũng bị loại bỏ. Tín đồ không được phép tham gia, nhất là ăn uống chung với người ngoại đạo trong các nghi lễ truyền thống của gia đình, dòng họ hay cộng đồng.

3.6. Ảnh hưởng đến ổn định chính trị - xã hội và đảm bảo an ninh quốc phòng

Cùng với quá trình truyền đạo, các thế lực thù địch cố tình làm suy giảm vai trò, sức mạnh của hệ thống chính trị cơ sở (HTCTCS), các tổ chức và các cá nhân vốn được coi trọng, thậm chí tôn sùng trong xã hội truyền thống, trong khi cố gắng tạo dựng ảnh hưởng của các tổ chức và chức sắc Tin Lành. Đặc biệt, một số người truyền đạo Vàng Chữ có những hành động ngày càng mang tính chính trị, nhằm gây mâu thuẫn xã hội. Một số nơi còn lợi dụng những dịp bầu cử để chỉ đạo tín đồ bỏ phiếu bầu những đối tượng cầm đầu tham gia vào HTCTCS; có nơi còn bí mật thành lập “Vàng Chữ xã”, “Vàng Chữ bản” để hoạt động song song với chính quyền cơ sở. Tại một số địa phương, các đối tượng cầm đầu còn tổ chức cho tín đồ tập bắn vào những bia tượng trưng là cán bộ, đảng viên trung kiên của địa phương,

gây tâm lý hoang mang cho một số quần chúng nhân dân và cán bộ cơ sở.

Có những cá nhân và người đứng đầu các điểm nhóm Tin Lành ở một số địa phương còn tuyên truyền xuyên tạc, vu cáo cán bộ và chính quyền vi phạm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo; tìm cách khoét sâu, phóng đại một số hạn chế, yếu kém của cán bộ chính quyền cơ sở trong thực hiện công tác dân tộc, tôn giáo; tìm cách làm suy giảm vai trò của HTCTCS.

- Kích động người dân, nhất là người Hmông di cư tự do, với luận điệu: “*Muốn có vua Hmông và tổ quốc riêng thì phải đi về hướng Tây, nơi mặt trời lặn*”. Đây là một trong những nguyên nhân gây ra làn sóng người Hmông di cư tự do trong nội vùng khu vực biên giới Việt - Lào từ giữa những năm 80 đến cuối thế kỷ XX mới chững lại, nhưng vẫn diễn ra âm ỉ cho đến hiện nay.

Việc di cư tự do của một bộ phận người dân trong nội vùng Tây Bắc và sang các nước láng giềng cũng là một trong những yếu tố góp phần phá vỡ môi trường sống ở những nơi chuyển đến; gây thêm mâu thuẫn ở các mức độ khác nhau với người dân sinh sống lâu đời trên địa bàn (kể cả với người đồng tộc); ảnh hưởng đến khối đại đoàn kết dân tộc và sự ổn định chính trị xã hội trong vùng; gây ra nhiều hậu quả tiêu cực đối với phát triển sản xuất, bảo vệ môi trường sinh thái, công tác quản lý xã hội, bảo đảm đời sống cho người dân và sinh hoạt tôn giáo đúng qui định của pháp luật cho những người có đạo di cư tự do.

Những hoạt động tuyên truyền phát triển đạo trái pháp luật gắn với mục đích chính trị, sử dụng các biện pháp không chế,

kích động quần chúng và cán bộ cơ sở của một số cá nhân và tổ chức Tin Lành cực đoan đã làm gia tăng các “điểm nóng” về ổn định chính trị, trật tự xã hội và an ninh quốc phòng ở một số vùng dân tộc thiểu số, nhất là vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới. Những năm đầu mới cải đạo, nhiều người Hmông cả tin theo luận điệu tuyên truyền “đón vua” đã tụ tập trong rừng tập võ, lên núi đá tập bay.... dẫn đến hậu quả chết người ở một số nơi. Những năm gần đây, việc tuyên truyền phát triển Tin Lành thường gắn với những nội dung chính trị phản động, như xuyên tạc, vu cáo, bôi nhọ cán bộ và chính quyền, nhằm làm xói mòn lòng tin của nhân dân, nhất là bộ phận tín đồ người dân tộc thiểu số đối với Đảng và Nhà nước. Đặc biệt, một số cá nhân và tổ chức Tin Lành rất chú ý khai thác tối đa những hạn chế trong quá trình thực hiện chính sách tôn giáo tín ngưỡng và chính sách dân tộc của một số ít cán bộ cơ sở để biến cái cá biệt thành chủ trương chính sách chung của Đảng và Nhà nước; tung tin thất thiệt nhằm xuyên tạc sự thật, vu cáo chính quyền đàn áp người dân, vi phạm quyền tự do tín ngưỡng tôn giáo, người Kinh “ức hiếp”, “xua đuổi” và “kỳ thị” người dân tộc thiểu số.

Thông qua phát triển Tin Lành để tập hợp lực lượng, kích động chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, tiến hành đấu tranh đòi ly khai, tự trị, phá hoại khối đại đoàn kết giữa các dân tộc, gây bất ổn chính trị xã hội, làm suy yếu chính quyền. Trong lịch sử người Hmông đã từng có một quốc gia riêng ở Trung Quốc, đây chính là cơ sở để các thế lực thù địch lợi dụng tuyên truyền khơi gợi tâm lý nhớ về nguồn gốc lịch sử dân tộc, về “Vương quốc Tam Miêu” xưa để kích động

chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, tư tưởng ly khai tự trị của một bộ phận người dân với một vị cứu tinh mới là Vàng Chứ.

5. Thay lời kết luận

Quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân luôn được Đảng, Nhà nước ta tôn trọng, Hiến pháp và pháp luật công nhận, bảo vệ. Sự thực, nước ta từ lâu đã là một quốc gia đa tôn giáo. Một số tôn giáo có các tổ chức, hệ phái khác nhau, trong đó nhiều tôn giáo và các hệ phái đã được Nhà nước công nhận, hoạt động hợp pháp. Số lượng tín đồ cũng không ngừng tăng lên, đến ngày 1 tháng 4 năm 2009, cả nước có 15.653.620 tín đồ (chiếm hơn 18,2% dân số cả nước), thuộc 13 tôn giáo đã được công nhận (Ban Chi đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương, 2010). Đặc biệt, các tổ chức tôn giáo và tín đồ được phân bố rộng khắp trên mọi vùng miền, thuộc nhiều dân tộc trên cả nước; nhiều tín đồ là đảng viên, cán bộ tham gia tích cực trong HTCT các cấp.

Biến đổi tôn giáo nói chung và chuyển từ tín ngưỡng truyền thống sang Tin Lành ở một bộ phận người dân nước ta, trong đó có vùng Tây Bắc trong mấy chục năm gần đây là hiện tượng bình thường nếu như không bị các thế lực thù địch lợi dụng vào những mưu đồ chính trị. Do đó, vấn đề đặt ra là đẩy mạnh công tác định hướng hiệu quả hơn để tạo ra sự thay đổi tôn giáo phù hợp với bản chất tốt đẹp của chế độ ta; đảm bảo mục tiêu phát triển bền vững đất nước theo phương châm dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Tiến hành quản lý hiệu quả hoạt động tôn giáo trên cơ sở pháp luật, đảm bảo quyền tự do tín ngưỡng của

người dân và phù hợp với thông lệ quốc tế, tạo điều kiện cho các tôn giáo phát triển bình đẳng trong khuôn khổ pháp luật cho phép. Kiên quyết xử lý nghiêm minh, kịp thời các đối tượng và hoạt động lợi dụng tôn giáo vi phạm pháp luật; từng bước làm lành mạnh hoá môi trường hoạt động tôn giáo tín ngưỡng. Đẩy mạnh tuyên truyền làm rõ quan điểm nhất quán của Đảng và Nhà nước ta là tự do tôn giáo phải gắn với độc lập dân tộc, toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững chủ quyền quốc gia và trong khuôn khổ pháp luật cho phép.

Với chính sách đúng đắn về tôn giáo tín ngưỡng của Đảng và Nhà nước ta hiện nay, có thể tin rằng, Tin Lành sẽ dần đi vào sinh hoạt và phát triển ổn định hơn trong bối cảnh đất nước tiếp tục thực hiện thành công sự nghiệp Đổi mới và hội nhập sâu rộng vào cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, trong quá trình ấy cũng không thể tránh khỏi những diễn biến phức tạp, khó lường, bởi các thế lực thù địch ở trong và ngoài nước vẫn tiếp tục lợi dụng vấn đề tôn giáo để thực hiện âm mưu “Diễn biến hoà bình”, gây rối và mất ổn định đối với nước ta. Nội dung và hoạt động mà các thế lực thù địch đang và sẽ tiếp tục áp dụng là thông qua tôn giáo để kích động, tạo mâu thuẫn trong nội bộ nhân dân, hướng thành mâu thuẫn đối kháng giữa người dân với cán bộ và chính quyền, làm suy yếu chính quyền và giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng và Nhà nước, tạo cơ hội để can thiệp vào công việc nội bộ của nước ta. Lợi dụng yếu tố tôn giáo, di cư để tập hợp và nắm giữ số tín đồ Tin Lành, để tạo thành một tổ chức và lực lượng chính trị dưới danh nghĩa là cộng đồng tôn giáo; dùng yếu tố thần quyền để định hướng nhận thức và hoạt

động của tín đồ, từ đó tìm cách chi phối đời sống chính trị xã hội, làm đối trọng với HTCT của Nhà nước.

Một phần bản chất và hoạt động của quá trình phát triển Tin Lành ở các dân tộc thiểu số vùng Tây Bắc nước ta trong những năm qua không đơn thuần chỉ là tôn giáo, mà còn là quá trình thâm lộng nhưng vô cùng quyết liệt của một số tổ chức, cá nhân nhằm từng bước thực hiện mục tiêu “thay đổi tư tưởng” của người dân, nắm giữ quần chúng, xây dựng lực lượng, tranh giành ảnh hưởng với Đảng và Nhà nước ta. Xác định như vậy để chúng ta chủ động và hiệu quả hơn trong công tác phòng chống âm mưu lợi dụng tôn giáo của các thế lực thù địch; xây dựng được những chính sách phù hợp nhằm giữ vững vai trò lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta đối với quần chúng nhân dân, nhất là đồng bào các dân tộc thiểu số ở vùng sâu, vùng xa còn gặp nhiều khó khăn; để một bộ phận đồng bào và cán bộ, đảng viên không bị “ru ngủ” trước những luận điệu tuyên truyền bằng các phương thức rất tinh vi của các thế lực thù địch trên lĩnh vực tín ngưỡng, dân tộc, dân chủ, nhân quyền, chủ quyền...

Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục cho mọi người, nhất là các cấp uỷ đảng, chính quyền địa phương hiểu và thống nhất nhận thức chung, xuyên suốt là dù tên gọi khác nhau, nhưng thực chất của đạo Vàng Chử ở người Hmông và đạo Thìn Hùng ở người Dao chính là Tin Lành đã bị “dân tộc hoá”; đã tồn tại trong một bộ phận đồng bào các dân tộc thiểu số ở Tây Bắc một thời gian khá dài, nên nhiều người đã hình thành đức tin, do đó không thể đối xử như các “tà đạo” hay “đạo lạ”.

Hiệu quả công tác phòng, chống truyền đạo và hoạt động tôn giáo trái pháp luật những năm qua còn thấp, mà một trong những nguyên nhân là do chưa phân biệt được giữa truyền đạo và theo đạo hợp pháp với truyền đạo và theo đạo trái pháp luật; chưa phân loại được mức độ đức tin và tình cảm tôn giáo giữa các tín đồ để có cách thức ứng xử phù hợp với từng đối tượng; chưa xác định rõ những tín đồ Tin Lành với giả Tin Lành để hướng dẫn và cho phép sinh hoạt tôn giáo ở những nơi đủ điều kiện hay kiên quyết chống sự lợi dụng Tin Lành theo qui định của pháp luật. Đấu tranh chống những hoạt động tôn giáo trái pháp luật là rất cần thiết, nhưng chỉ áp dụng các biện pháp hành chính đơn thuần sẽ không thích hợp và ít hiệu quả, mà phải triển khai toàn diện và đồng bộ. Cần thiết phải xây dựng, phát triển và sử dụng hiệu quả lực lượng bên trong các tôn giáo, nhất là những chức sắc và tín đồ có tư tưởng tiến bộ, yêu nước.

Tài liệu tham khảo

1. Ban Chỉ đạo Tây Bắc và Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2005), *Thực trạng và giải pháp đối với đạo Tin Lành ở vùng Tây Bắc*, Báo cáo tổng hợp Đề án, Hà Nội.
2. Ban Chỉ đạo Tổng điều tra dân số và nhà ở Trung ương (2010), *Hội nghị Công bố kết quả điều tra toàn bộ và tổng kết điều tra dân số và nhà ở năm 2009*, Hà Nội.

3. Ban Tôn giáo chính phủ (2004), *Một số giải pháp và chính sách đối với vấn đề tôn giáo trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở Tây Nguyên, Tây Bắc và Tây Nam Bộ*, Kỷ yếu Đề án, Hà Nội.

4. Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2002), *Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội vùng Tây Bắc, Tây Nguyên và Tây Nam Bộ*, Hà Nội.

5. Không Diễn (2005), *Những vấn đề bức xúc về dân tộc ở nước ta hiện nay*, Báo cáo tổng hợp nhiệm vụ cấp Bộ, Hà Nội.

6. Lê Văn Hào (2007), *Một số đặc điểm tâm lý - xã hội của xu hướng lan rộng đạo Tin Lành ở các tỉnh Tây Bắc Việt Nam*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Hà Nội.

7. Vương Duy Quang (2005), *Văn hoá tâm linh của người Hmông ở Việt Nam truyền thống và hiện đại*, Nxb Văn hóa thông tin và Viện Văn hoá, Hà Nội.

8. Nguyễn Văn Thắng (2007), *Sự thay đổi từ tín ngưỡng truyền thống sang đạo Tin Lành ở người Hmông*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Hà Nội.

9. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (1998), *Những vấn đề liên quan đến hiện tượng "Vàng chữ"*, Tập báo cáo, Hà Nội.

10. Viện Nghiên cứu Tôn giáo (2002), *Những vấn đề cấp bách về tôn giáo ở các vùng dân tộc thiểu số của nước ta hiện nay*, Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ, Hà Nội.